

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÔNG Á TỪ GÓC NHÌN HỆ THỐNG - LOẠI HÌNH VĂN HÓA SO SÁNH VỚI VIỆT NAM

GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM
Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh

1. Khái niệm “Đông Á”

Có hai khái niệm “Đông Á”: “Đông Á” theo nghĩa rộng và “Đông Á” theo nghĩa hẹp.

“Đông Á” theo nghĩa rộng là phía Đông, đối lập với một phía Tây (đối lập lưỡng phân), bao gồm Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

“Đông Á” theo nghĩa hẹp là phía chính Đông, đối lập với bảy phía còn lại (Tây, Nam, Bắc, Tây Bắc, Tây Nam, Đông Bắc, Đông Nam - đối lập bát phân) và bao gồm các quốc gia Trung Quốc, nam và bắc Korea, Nhật Bản. Bài viết này sử dụng khái niệm “Đông Á” theo nghĩa hẹp.

2. Cách tiếp cận hệ thống - loại hình văn hóa

Phương pháp hệ thống - loại hình mà chúng tôi xây dựng và áp dụng vào việc nghiên cứu văn hóa [Trần Ngọc Thêm 1996/2004] có năm đặc điểm cơ bản:

(1) Tính hệ thống thể hiện ở mối quan hệ chi phối của điều kiện tự nhiên đối với hoạt động kinh tế, và của hoạt động kinh tế đối với văn hoá.

(2) Tính hệ thống còn thể hiện ở mối quan hệ tương tác và chi phối lẫn nhau giữa các đặc trưng của mỗi loại hình, tất cả tạo thành chùm đặc trưng cho phép khu biệt loại hình văn hoá đó.

(3) Tính loại hình có quan hệ tương tác chặt chẽ với điều kiện tự nhiên và có vai trò chi phối mạnh đối với sự phát triển văn hoá và con người của các dân tộc.

(4) Độ chính xác của tính loại hình tỉ lệ thuận với độ chi tiết của việc phân loại loại hình (việc phân loại loại hình có thể đi từ lưỡng phân qua tam phân, ngũ phân, v.v.) và tỉ lệ nghịch với độ khái quát của các đặc trưng loại hình (việc phân loại loại hình càng chi tiết bao nhiêu thì độ chính xác càng tăng nhưng độ khái quát của các đặc trưng sẽ càng giảm).

(5) Đặc điểm loại hình của mỗi nền văn hoá (a) phối hợp với điều kiện tự nhiên cụ thể nơi dân tộc / tộc người đó cư ngụ (b) và điều kiện lịch sử cụ thể mà dân tộc đó trải qua (c) sẽ tạo nên đặc thù văn hoá của mỗi dân tộc / tộc người.

3. Hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động

Các nền văn hóa trên thế giới vô cùng đa dạng và phong phú. Nhưng tựu trung lại có thể phân thành hai loại hình văn hóa một cách khá rõ ràng.

Điều kiện tự nhiên nóng, ẩm thuận tiện cho kinh tế hái lượm - trồng trọt, làm hình thành loại hình văn hóa trọng tĩnh có mục tiêu cơ bản là lo tạo dựng

một cuộc sống ổn định lâu dài, không xáo trộn. Điển hình cho loại hình văn hóa trọng tĩnh (gốc nông nghiệp) là vùng văn hóa phương Đông (châu Á).

Điều kiện tự nhiên lạnh, khô thích hợp với kinh tế săn bắt - chăn nuôi, sau là thương mại, làm hình thành loại hình văn hóa trọng động, có mục tiêu cơ bản là lo tổ chức xã hội làm sao để có thể thường xuyên di chuyển một cách gọn gàng, nhanh chóng, thuận tiện. Điển hình cho loại trọng động (gốc du mục) là vùng văn hóa phương Tây (châu Âu).

Những đặc trưng cơ bản của hai loại hình văn hóa được trình bày trong bảng sau [Trần Ngọc Thêm 1996/2004: 31-52].

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA HAI LOẠI HÌNH VĂN HÓA

TIÊU CHÍ		VH TRỌNG TĨNH (gốc nông nghiệp)	VH TRỌNG ĐỘNG (gốc du mục)
Đặc trưng gốc	Địa hình	Đồng bằng (ấp, thấp)	Đồng cỏ (khô, cao)
	Nghề chính	Trồng trọt	Chăn nuôi
	Cách sống	Định cư	Du cư
Ứng xử với môi trường tự nhiên		Tôn trọng, sống hòa hợp với thiên nhiên	Coi thường, tham vọng chế ngự thiên nhiên
Lối nhận thức, tư duy		Thiên về tổng hợp và biện chứng (trọng quan hệ); chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm	Thiên về phân tích và siêu hình (trọng yếu tố); khách quan, lý tính và thực nghiệm
Tổ chức cộng đồng	Nguyên tắc tổ chức CE	Trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng nữ	Trọng sức mạnh, trọng tài, trọng võ, trọng nam
	Cách thức tổ chức CE	Linh hoạt và dân chủ, trọng cộng đồng	Nguyên tắc và quân chủ, trọng cá nhân
Ứng xử với môi trường xã hội		Dung hợp trong tiếp nhận; mềm dẻo, hiếu hòa trong đối phó	Độc tôn trong tiếp nhận; cứng rắn, hiếu thắng trong đối phó

Theo đặc điểm 2.4 của cách tiếp cận hệ thống - loại hình văn hóa thì cách phân loại lưỡng phân dựa trên nguyên tắc âm dương này có ưu điểm là cho ta thấy một bức tranh sáng rõ nhưng có nhược điểm là gây ấn tượng đơn giản hóa vấn đề. Nhất là khi cụm từ “phương Đông” được dùng để chỉ một khái niệm rất phức tạp cả về không gian, thời gian và nhân gian (chủ thể).

4. Loại hình văn hóa chuyển tiếp

Ở châu Âu (phương Tây), lối sống du mục về cơ bản đã chấm dứt từ khoảng đầu công nguyên; nền kinh tế lấy chăn nuôi làm chính cũng chỉ kéo dài thêm một thời gian nữa, rồi chuyển sang lấy trồng trọt khô (mì, kê, mạch...) kết hợp với chăn nuôi ở nông thôn và thương nghiệp buôn bán ở đô thị làm chủ đạo. Các cuộc cách mạng tư sản đã đem lại một cơ sở kinh tế mới dựa vào công

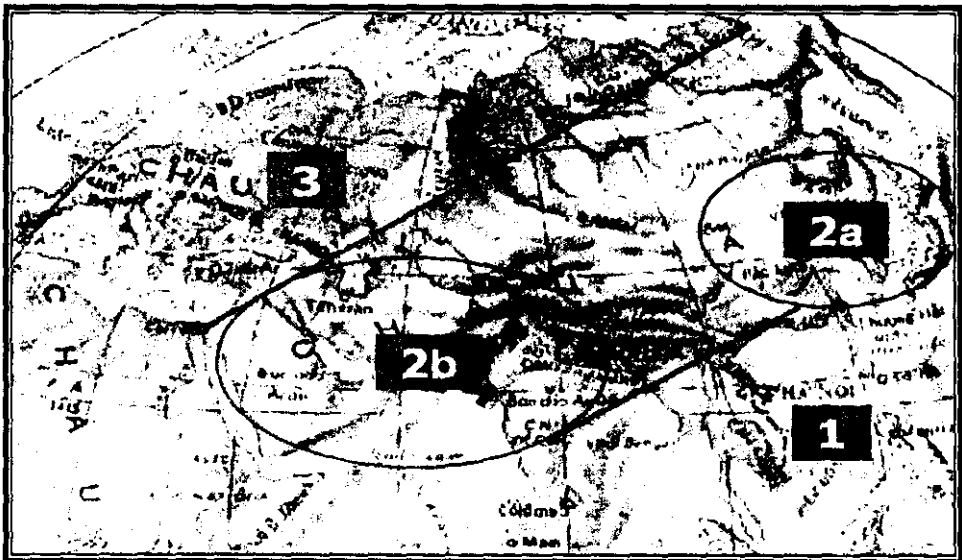
nh nghiệp. Xuyên suốt tất cả các hình thái kinh tế ấy vẫn là những đặc trưng văn hóa trọng động.

Ở khu vực rộng lớn mệnh danh là “phương Đông”, chỉ có vùng Đông Nam Á cổ đại (phía Bắc bao gồm cả miền Nam Trung Hoa tới dãy Tần Lĩnh - Hoài Hà, phía Tây tới bang Assam của Ấn Độ) – nơi phát sinh ra nghề trồng lúa nước, mới có đủ các đặc trưng điển hình của loại hình văn hóa trọng tĩnh.

Các cư dân phương Đông sống giữa hai cực châu Âu và Đông Nam Á, trong vùng không gian từ Tây Nam Á tới Ấn Độ, qua Trung Á, Mông Cổ lên Siberia và Đông Á lại là những dân tộc sống chủ yếu cả bằng chăn nuôi lẫn trồng trọt. Văn hóa của họ chứa đựng cả những đặc trưng trọng tĩnh và trọng động.

Đó là những nền văn hóa thuộc loại hình trung gian.

Hình 1: Các vùng văn hoá ứng với các loại hình và các tiểu loại hình



Ứng với loại hình trung gian này, tiểu vùng văn hoá Tây Nam Á thiên về tiểu loại hình văn hoá *trung gian trọng tâm linh*, còn tiểu vùng văn hoá Đông Á thì

thiên về tiểu loại hình văn hoá *trung gian trọng thể tục* (hình 1).

Đặc trưng của loại hình văn hóa trung gian trọng thể tục trình bày trong bảng 2.

Bảng 2: ĐẶC TRƯNG CỦA LOẠI HÌNH VĂN HÓA TRUNG GIAN TRỌNG THỂ TỤC

TIÊU CHÍ	Đặc trưng tiếp nhận từ	
	Văn hoá trọng tĩnh	Văn hoá trọng động
Ứng xử với MT tự nhiên	Tôn trọng, sống hòa hợp với thiên nhiên	
Lối nhận thức tư duy	Tổng hợp kết hợp với phân tích; trọng quan hệ kết hợp với trọng yếu tố; cảm tính kết hợp với lý tính	
Nguyên tắc tổ chức CD	Trọng tình kết hợp với trọng sức mạnh	
	Trọng đức	Trọng nam
Cách thức tổ chức CD	Trọng cộng đồng, dân chủ	Nguyên tắc, quân chủ
Ứng xử với MT xã hội	Dung hợp trong tiếp nhận	Khá cứng rắn trong đối phó

5. Tính trung gian của văn hóa Đông Á

Về mặt nguồn gốc, văn hoá Trung Hoa khởi nguồn từ văn hoá của cư dân chăn nuôi ở vùng Tây Bắc Trung Quốc. Đến đời Ân Thương tiếp nhận văn hoá của người Đông Di, qua thời Tây Chu đến Xuân Thu - Chiến Quốc tiếp nhận văn hoá của người Miêu Man - Bách Việt. Từ đời Tần-Hán trở đi, bắt đầu chi phối ngược lại "tứ di" một cách mạnh mẽ bên cạnh việc tiếp tục tiếp nhận văn hoá Ấn Độ, phương Tây.

Hai nền văn hóa Korea và Nhật Bản thì, ở thời điểm hình thành, đều đã chịu ảnh hưởng của hai luồng văn hóa từ

phương Nam lên và từ phương Bắc xuống.

Ảnh hưởng từ phương Bắc xuống là dòng chủ đạo, là văn hóa du mục do các kỵ binh nói tiếng Altai mang đến từ Siberia, họ đã đồng hoá cư dân bản địa và trở thành tổ tiên của người Korea và Nhật Bản. Chất du mục này để lại dấu vết trong nhiều nét tính cách và lối sống. Chẳng hạn như tinh thần thượng võ của người Nhật. Tính cách mạnh mẽ, tính tình nóng nảy, lối sống thích di chuyển của người Hán. Mặc dù đã bị môi trường văn hóa nông nghiệp lúa nước chi phối trong một thời gian rất dài, vậy mà theo thống kê đăng ký thường trú của Cục Thống kê

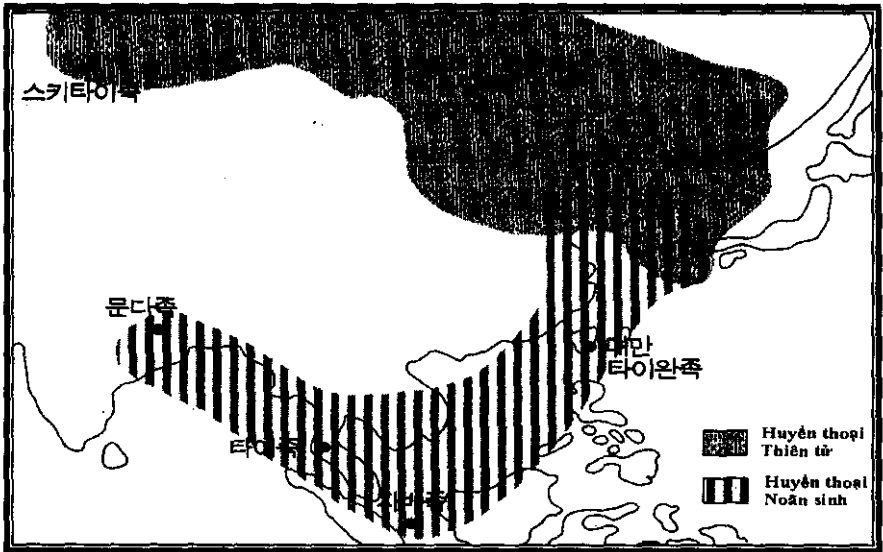
quốc gia Hàn Quốc, ở quốc gia này có hơn 20% dân số luôn thay đổi địa chỉ nhà ở hàng năm [Song Byung-Nak 2002: 38].

Bên cạnh đó là một dòng ảnh hưởng khác từ phương Nam lên.

Dựa trên các cứ liệu địa chất học, khảo cổ học, nhân học, ngôn ngữ học, có thể thấy rằng từ rất xa xưa, bán đảo Korea và quần đảo Nhật Bản đã có sự giao lưu và tiếp xúc rất mật thiết với phương Nam [Hyung Il-Pai 2000: 57]. Trong những đợt biến thái cách đây năm nghìn năm về trước, từ bán đảo Korea tới đảo Đài Loan xuống Đông Nam Á từng nối liền thành một khối lục địa. Quần đảo Nhật Bản thì gắn bó với Đông Nam Á qua đường biển với sự giúp sức của các dòng hải lưu chảy sát hai bên quần đảo. Nhờ thế, người Korea và Nhật Bản, đặc biệt là ở khu vực phía Nam, đã tiếp thu khá nhiều giá trị

văn hóa từ khu vực Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương.

Chẳng hạn, trong văn hoá Korea, kiểu huyền thoại noãn sinh về người lập quốc (có nguồn gốc từ quả trứng thần kỳ) được vay mượn từ Đông Nam Á (quả bầu mẹ, bọc trứng Âu Cơ), trong khi kiểu huyền thoại “thiên tử” (Tan-gun) có nguồn gốc từ Siberia [Kim Byung-Mo 1982: 186, hình 2]. Về tổ chức xã hội, đó là truyền thống mẫu hệ. Về kinh tế, đó là nghề, trồng lúa nước. Về ngôn ngữ, là câu trúc âm tiết mở, hệ thống các từ xưng hô với sắc thái kính trọng phong phú, hệ thống tên gọi các bộ phận cơ thể, v.v., trong ngôn ngữ học có hẳn một xu hướng cho rằng tiếng Hán có nguồn gốc phương Nam [Homer B. Hubert, dẫn theo Lê Quang Thiêm 1998: 228; Kim Nam Kil, dẫn theo Mai Ngọc Chừ 2001: 43].



Hình 2: Đông Á – nơi gặp gỡ của hai kiểu huyền thoại lập quốc [theo Kim Byung-Mo 1982]

Hai luồng ảnh hưởng văn hóa Nam lên và Bắc xuống này bổ sung cho nhau, tạo nên văn hóa Đông Á như một loại hình văn hóa chuyển tiếp. Thời đồ đá cư dân bán đảo Hán sống không hẳn bằng săn bắt, cũng không hẳn bằng hái lượm; Gina L. Barner gọi họ là những “*người săn-hái*” (forager) [Barnes G.L. 1999: 77]. Sau này, khi đã định cư rồi, họ vừa chăn nuôi, vừa làm nông, tạo nên cái tính chất mà Sin Yeong-Hon & Kim Dae-Byeok [1997: 19] gọi là “*Nông Mục*” (*Nongmok* / 농목). Trong đó, cư dân ở phía Bắc thì thiên về chăn nuôi hơn, còn ở phía Nam thì thiên về trồng trọt hơn. Ngay trong cùng một nghề trồng trọt thì cư dân ở phía Bắc bán đảo thiên về trồng kê, còn cư dân ở phía Nam thiên về trồng lúa. Sự phân bố “*Bắc động, Nam tĩnh*” này đúng cho cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản.

6. Loại hình văn hóa là khái niệm “*cần*” cho việc lý giải sự phát triển của Đông Á

Lâu nay, tồn tại một niềm tin rất mạnh và phổ biến rằng Việt Nam và các dân tộc Đông Á là một khối “*đồng chủng đồng văn*”: cha ông ta ra sức tin như vậy để khẳng định rằng mình không thua kém gì “*ông thầy phương Bắc*”; người phương Tây nhìn thấy nhiều dấu hiệu bề ngoài giống nhau thì lập tức tin như vậy và cho rằng văn hoá Việt Nam chỉ là một bản sao (tôi) của văn hoá Trung Hoa; nhiều trí thức Việt Nam đương đại tin

như vậy nên khi đọc cuốn sách của chúng tôi [1995], trong đó có nói đến sự khác biệt và sự giao lưu văn hoá hai chiều giữa Việt Nam và Trung Hoa trong lịch sử đã lập tức chộp cho chúng tôi cái mũ “*dân tộc chủ nghĩa*”, “*lấy Việt Nam làm trung tâm*”. Vậy mà trên thực tế, Việt Nam và Đông Á không những là những nền văn hoá khác nhau mà còn ***thuộc những loại hình văn hoá khác hẳn nhau***. Đây là điều có ý nghĩa rất quan trọng trong việc lý giải nguyên nhân của sự phát triển đột biến về kinh tế được biết đến với tên gọi “*hiện tượng thần kỳ Đông Á*” (the East Asean Miracle).

Nếu muốn cho rằng nguyên nhân của sự thành công về kinh tế cũng như sự phát triển của văn hoá và con người Đông Á nằm ở đặc điểm của loại hình văn hóa “*trung gian trọng thể tục*” thì cần phải chứng minh được hai việc sau:

(1) Khái niệm “*loại hình văn hóa*” nói chung và, “*loại hình văn hóa trung gian trọng thể tục*” là ***cần*** cho việc lý giải nguyên nhân của “*hiện tượng thần kỳ Đông Á*”.

(2) Khái niệm “*loại hình văn hóa*” cùng các khái niệm bộ phận của nó là ***đủ*** cho việc lý giải nguyên nhân của “*hiện tượng thần kỳ Đông Á*”.

6.1. Khái niệm “*loại hình văn hóa*” nói chung và “*loại hình văn hóa trung gian trọng thể tục*” có ***cần*** cho việc lý giải

nguyên nhân của “hiện tượng thần kỳ Đông Á” hay không?

Câu trả lời là *cần*, vì nó giải thích được một cách đầy đủ nguyên nhân của hiện tượng này.

Thứ nhất, do thuộc loại hình văn hóa **trung gian** nên các nền văn hoá Đông Á tích hợp được những nét trội của cả hai loại hình văn hoá trong Tinh và trong Đông, truyền thống văn hoá gốc nông nghiệp phương Đông và truyền thống văn hoá gốc du mục phương Tây. Trong khi Đông Nam Á quá trọng tình, thiên về tình cảm, và bên kia là phương Tây quá trọng động, thiên về lý trí thì Đông Á ở giữa, vừa có lối tổ chức *bên vững* kiểu văn hoá gốc nông nghiệp lại vừa có kiểu quản lý *năng động, hiệu quả* kiểu văn hoá gốc du mục; vừa duy trì được truyền thống *coi trọng con người* của văn hóa phương Đông lại vừa tiếp nhận được *khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến* phương Tây.

Thứ hai, do thuộc tiểu loại văn hóa trọng thế tục nên con người luôn có cách nhìn coi trọng thực tế, cách ứng xử thiết thực, hiệu quả. Trong khi Đông Nam Á truyền thống sống trong cộng đồng làng xã quá trọng Danh, trọng cái tinh thần (*Một quan tiền công không bằng một đồng tiền thưởng*), còn phương Tây luôn biến động, quá coi trọng Lợi, trọng cái vật chất, Tây Nam Á quá lệ thuộc vào quyền uy tôn giáo, ký thác sự sinh tồn

vào thế giới hư ảo bên kia, thì các nền văn hóa Đông Á *hướng vào hạnh phúc của thế giới thực tại, coi trọng cả Danh và Lợi*: vừa trọng *cộng đồng, hiếu hòa*, lại vừa *cạnh tranh, hiếu thắng*; vừa *thanh thân, vô vi* lại vừa *đầy tham vọng, hữu vi*.

Thứ ba, trong khi loại hình văn hoá trọng động (kiểu phương Tây) quá đề cao cá nhân, dẫn đến lối sống ích kỷ, cạnh tranh, tạo nên cái tôn ty giành giật được bằng sức mạnh; còn loại hình văn hoá trọng tĩnh ở Đông Nam Á lại quá coi trọng cộng đồng làng xã, tạo nên lối sống dân chủ theo kiểu tình cảm chủ nghĩa, dựa dẫm, cào bằng; thì văn hoá trung gian trọng thế tục Đông Á coi trọng *gia đình* – một hình thức cộng đồng trung gian giữa cá nhân và làng xã. Gia đình vừa có được cái *thân thiết* của lối sống cộng đồng kiểu Đông Nam Á, lại vừa có được cái *nghiêm minh, chặt chẽ* trong tổ chức, cái *quyền uy cá nhân* của người gia trưởng kiểu văn hoá phương Tây. Không phải ngẫu nhiên mà vai trò của gia đình trong văn hoá Đông Á mạnh tới mức phát triển thành một thứ “chủ nghĩa gia đình” (familism) và mọi công ty thành đạt của Nhật Bản và bốn con rồng đều là những công ty tổ chức theo kiểu gia đình [Trần Ngọc Thêm 2004, 2006].

Như vậy, tính chất nước đôi của loại hình văn hóa “trung gian trọng thế tục” chính là cái cơ sở giúp các dân tộc Đông Á có được cái lợi thế tiềm tàng cho một

sự phát triển bền vững mà cả Đông Nam Á lẫn phương Tây đều không có.

7. Loại hình văn hóa là khái niệm “đủ” cho việc lý giải sự phát triển của Đông Á

Khái niệm “loại hình văn hóa” cùng các khái niệm bộ phận của nó có đủ cho việc lý giải nguyên nhân của “hiện tượng thần kỳ Đông Á” hay không?

Nếu nó là đủ, thì nó phải giải đáp được mọi mâu thuẫn có liên quan – có ba mâu thuẫn như vậy:

(a) Về thời gian, cũng vẫn loại hình văn hoá này, nhưng tại sao trước đây Đông Á nghèo?

(b) Về không gian, vì sao ba quốc gia và vùng lãnh thổ Đài Loan, Hồng Kông và Xinggapo vốn thuộc Đông Nam Á truyền thống chứ không phải thuộc Đông Á nhưng vẫn “hóa rồng”?

(c) Trong khi đó thì vì sao hai quốc gia Đông Á thuộc loại hình văn hóa “trung gian trọng thể tục” rõ ràng là Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên lại không “hóa rồng”?

Ngoài ra, để chứng minh rằng nó là đủ, thì còn phải (d) chỉ ra rằng mọi cách giải thích khác khả dĩ chấp nhận được đều chỉ là hệ quả không đầy đủ của nó.

7.1. Về thời gian, cũng vẫn loại hình văn hoá này, nhưng tại sao trước đây Đông Á nghèo? Là bởi vì tính chất nước đôi của loại hình văn hóa “trung gian trọng thể tục” chỉ là cái cơ sở tiềm tàng

giúp cho các dân tộc Đông Á có được cái lợi thế phát triển bền vững, còn để biến cái tiềm năng này thành hiện thực, cần phải có những điều kiện nhất định.

Về mặt tự nhiên, Đông Á không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp bằng Đông Nam Á. Từ Nam Trung Quốc đi lên Bắc Trung Quốc, đất đai kém màu mỡ hơn, khô hạn hơn, lạnh giá hơn. Từ Bắc Trung Quốc đi ra Korea và Nhật Bản, điều kiện tự nhiên lại càng khắc nghiệt: đồng bằng giảm, núi đá tăng; sự đối lập gay gắt giữa khí hậu lục địa và đại dương...

Chính vì vậy mà trước đây, khi lấy kinh tế nông nghiệp làm chủ đạo, thì Bắc Trung Quốc luôn nghèo hơn Nam Trung Quốc; Korea và Nhật Bản (lại lấy lúa nước làm chủ đạo) còn nghèo hơn cả Trung Quốc và Đông Nam Á.

Nhưng từ khi Nhật Bản, rồi sau đó là Hàn Quốc, chuyển hướng sang con đường công nghiệp hóa và đô thị hóa theo kiểu Tây phương, thì toàn bộ tiềm năng của loại hình văn hóa “trung gian trọng thể tục” được đánh thức dậy và phát huy.

Với tính nguyên tắc cao hơn và tư duy phân tích mạnh hơn Đông Nam Á, người Đông Á đã tiếp thu cái gì thì đều tiếp thu đến nơi đến chốn, để rồi sau đó phát triển nó, nâng nó lên mức hoàn hảo. Văn hoá Trung Hoa tiếp thu kiểu tư duy nhị nguyên (dualism) của phương Nam, đã phát triển nó thành học thuyết âm

dương ngũ hành. Korea tiếp thu Nho giáo của Trung Hoa, phát triển thành một Nho giáo Korea cực đoan, với tầng lớp yangban trong tổ chức xã hội, với phong tục của một nước “lễ nghi chi bang”, hiện nay Hàn Quốc là quốc gia duy nhất còn duy trì được trường đại học Nho giáo. Nhật Bản tiếp thu cái gì từ lục địa cũng nghi thức hóa nó thành một “đạo” (trà đạo, hương đạo, kiếm đạo, hoa đạo...). Chính bằng cách đó, họ đã *tiếp thu kỹ thuật phương Tây một cách bài bản, chu đáo* để rồi kết hợp với truyền thống văn hoá của mình mà làm ra những sản phẩm “*Made in Japan*” vừa có độ chính xác của khoa học phương Tây vừa có cái tinh tế của óc thẩm mỹ Nhật Bản.

Trong khi đó thì Việt Nam khác hẳn: với tính linh hoạt và tư duy tổng hợp của văn hoá nông nghiệp trọng tình, mỗi khi tiếp nhận văn hoá, người Việt Nam luôn thay đổi biến báo ngay trong quá trình tiếp thu, tạo nên những sản phẩm xét dưới góc độ này là ưu điểm vì hết sức sáng tạo và độc đáo, chính nhờ vậy mà Việt Nam chống lại được mọi âm mưu đồng hóa, nhưng xét dưới góc độ khác lại là nhược điểm vì không có cái gì được tiếp thu đến nơi đến chốn, những sản phẩm tạo ra mang tính nửa vời, không phát huy hết được các lợi thế của sản phẩm gốc.

Mặt khác, với truyền thống *trọng sức mạnh, trọng nam*, các quốc gia Đông Á

trong lịch sử thường có *văn hoá quản lý cứng rắn*, nhiều lúc tới mức *quân phiệt, độc tài* (như Tần Thủy Hoàng ở Trung Quốc; Park Chung-Hee, Chun Doo-hwan ở Hàn Quốc; chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản). Kiểu văn hoá quản lý này tạo nên những nhà quản lý cứng rắn đồng thời *công bằng và nghiêm minh*, những người dân có ý thức kỷ luật cao, với nếp sống *tôn trọng pháp luật*, rất thuận tiện cho việc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong khi đó thì ở Việt Nam không như thế: truyền thống dân chủ làng xã “phép vua thua lệ làng” xưa kia đã phát triển thành tệ nạn “thủ kho to hơn thủ trưởng”, căn bệnh “trên bảo dưới không nghe”, tạo thành một xã hội mà ý thức “*sống và làm việc theo pháp luật*” rất kém. Điều này gây cản trở rất lớn cho việc phát triển văn hoá và con người theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nói cách khác, việc chuyển sang kinh tế công nghiệp đã giúp Đông Á khắc phục được nhược điểm của mình là nghèo về tài nguyên thiên nhiên, đồng thời phát huy được lợi thế của mình là có tài nguyên con người – con người công dân thì làm việc bài bản và có tinh thần kỷ luật cao, con người quản lý thì nghiêm minh, công bằng. Gạch nối giữa người quản lý và dân chúng là văn hoá gia đình, vừa thân mật gần gũi vừa tôn ty nền nếp.

7.2. Về không gian, vì sao ba quốc gia và vùng lãnh thổ là Đài Loan, Hồng

Kông và Xingapo vốn thuộc Đông Nam Á truyền thống chứ không phải thuộc Đông Á mà vẫn “hóa rồng”?

Đó là vì ba quốc gia và vùng lãnh thổ này tuy thuộc Đông Nam Á truyền thống về mặt địa lý, nhưng đều có chủ thể là người Hoa – con người Đông Á. Mà “loại hình văn hóa” là khái niệm tuy có liên hệ với không gian địa lý nhưng có tính khái quát cao hơn và không trùng với nó. Do vậy, về mặt loại hình thì *các nền văn hoá này vẫn thuộc loại văn hóa “trung gian trọng thể tục” phổ biến ở Đông Á* chứ không phải thuộc loại văn hóa trọng *tinh phổ biến ở Đông Nam Á.*

7.3. Còn hai quốc gia Đông Á thuộc loại hình văn hóa “trung gian trọng thể tục” rõ ràng là Trung Quốc và Bắc Triều Tiên thì vì sao lại không “hóa rồng”?

Đó là do hai quốc gia này đã có thời gian chịu ảnh hưởng nặng nề của một thứ chủ nghĩa xã hội nông dân hóa, phong kiến hóa, trở nên giáo điều và duy ý chí cực đoan, dẫn đến chỗ hình thành một nền kinh tế chỉ huy, với những đường lối chính sách xa rời thực tiễn, đi ngược lại đặc điểm loại hình vốn có (là trọng thể tục). Đồng thời ý thức hệ chống đối chủ nghĩa tư bản một cách mù quáng đã khiến cho khoa học - kỹ thuật- công nghệ phương Tây chỉ được tiếp thu ở mức rất thấp và chậm trễ. Các đặc điểm này đã khiến cho ưu điểm tiềm tàng của loại hình văn hoá trung gian trọng thể tục không phát huy được.

Trong những năm gần đây, nhờ cải cách mở cửa, tiếp nhận kinh tế thị trường, với triết lý thực dụng “mèo trắng mèo đen” nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình đã đưa Trung Quốc lục địa trở lại phù hợp với đặc trưng loại hình văn hoá. Do đó, những tiềm năng của loại hình văn hoá trung gian trọng thể tục đã bắt đầu được phát huy.

7.4. “Loại hình văn hóa” cùng các khái niệm bộ phận của nó là đủ cho việc lý giải nguyên nhân của “hiện tượng thần kỳ Đông Á” còn vì mọi cách giải thích khác khả dĩ chấp nhận được đều chỉ là bộ phận hoặc hệ quả không đầy đủ của nó.

Có ý kiến cho rằng sự phát triển kinh tế trước hết phải được lý giải bằng nguyên nhân kinh tế. Về mặt kinh tế, người ta thường cho rằng nguyên nhân sự tăng trưởng của Đông Á là do hai yếu tố đầu vào (nguồn lực) là lao động và vốn [Viện TTKHXH 1997: 8]. Hoặc đầy đủ hơn là bốn yếu tố: (1) lượng lao động (quantity of labor); (2) lượng tư bản vật chất (quantity of physical capital); (3) chất lượng lao động (quality of labor); (4) hiệu quả sử dụng vốn và lao động (effect of capital and labor) [Rohwer Jim 1995: 57-68]. Alwyn Young ở Đại học MIT nói đến bốn nguyên nhân: (1) tỷ lệ tham gia ngày càng tăng của lao động, đặc biệt là phụ nữ trẻ; (2) sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp có năng suất thấp sang công nghiệp; (3) việc cải thiện

trình độ giáo dục; và (4) việc nâng cao tỷ lệ đầu tư so với GDP [Viện TTKHXH 1997: 9]. Tất cả tựu trung vẫn xoay quanh hai yếu tố chính là lao động và vốn. Song người ta cũng tự thấy mọi sự giải thích như trên vẫn là không đủ, vẫn còn thiếu “một điều gì đó” rất khó mô tả chính xác; người ta đưa ra thêm một thuật ngữ mới là “tổng năng suất các yếu tố” (Total Factor Productivity, TFP); theo tính toán của Ngân hàng thế giới (WB), 1/3 sự tăng trưởng của Đông Á xuất phát từ TFP – cao nhất là Hồng Kông 56% [Rohwer Jim 1995: 68-69].

Đúng là sự phát triển kinh tế trước hết cần được lý giải bằng nguyên nhân kinh tế, song nguyên nhân kinh tế thường chỉ là nguyên nhân trực tiếp, cái đầu tiên không phải là cái cuối cùng. Các nguyên nhân kinh tế rất cụ thể nên có thể kiểm chứng rất dễ - rất nhiều quốc gia và khu vực khác dù có làm theo như thế cũng không thể đạt được kết quả tương ứng. Ngân hàng thế giới đã tính rằng ngay cả khi châu Phi và Mỹ La-tinh có đầu tư nhiều vào máy móc và con người như Đông Á thì tỷ lệ TFP trong giai đoạn 1960-1985 cũng chỉ bằng 1% so với 4% ở Đông Á [Rohwer Jim 1995: 69].

Người ta cũng nói đến nguyên nhân sự thần kỳ Đông Á là nhờ ở sự Tây phương hóa về khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Song khoa học, kỹ thuật, công nghệ không phải là tất cả. Xã hội

phương Tây đang ở trong tình trạng rất rối loạn: kể từ năm 1960, dân số Mỹ đã tăng 41%, trong lúc đó tỷ lệ tội phạm tăng 560%, tỷ lệ sinh con ngoài giá thú tăng 419%, tỷ lệ ly hôn tăng 400%, tỷ lệ trẻ em sống với một cha hoặc mẹ tăng 300%, tỷ lệ thanh thiếu niên tự tử tăng 200%, chỉ số SAT⁽¹⁾ giảm 80 điểm [Naisbitt John 1998: 144]. Xinhgapo trong ba thập kỷ cầm quyền của Lý Quang Diệu đã trở nên hiện đại hóa và Tây phương hóa hoàn toàn, để rồi Singapor và Lý Quang Diệu phải quay trở lại đi tìm các giá trị châu Á.

Thực ra, “một điều gì đó rất khó mô tả chính xác còn thiếu” mà các nhà kinh tế học đi tìm đó chính là văn hoá. Văn hoá mới là nguyên nhân gốc, nó chi phối nguyên nhân kinh tế, nguyên nhân chính trị, v.v. Văn hoá tuy không phải là tất cả, nhưng nó bao quát tất cả. Văn hoá vừa là động lực đầu tiên, vừa là mục tiêu cuối cùng của sự phát triển.

Từ góc nhìn văn hoá, một cách giải thích khá phổ biến đã quy nguyên nhân sự thần kỳ Đông Á về cho vai trò của Nho giáo, điển hình là quan điểm của Léon Vändermeech trong cuốn “Thế giới Hán hóa mới” (*Le nouveau monde sinisé*) [Vändermeerch L. 1992]. Nếu nguyên nhân là Nho giáo thì phản chứng đơn giản và rõ ràng nhất là sự “không-hóa-rồng” của các quốc gia Nho giáo Đông Á còn lại như Trung Hoa lục địa, Bắc Triều Tiên, Việt Nam. TS. Lee Yuen Tseh, Chủ

tịch Academia Sineca ở Đài Bắc, người từng đoạt giải Nobel, nhận xét: “Trên thực tế, Nho giáo chưa bao giờ được chú ý nhiều... Sự thành công của các nền kinh tế Đông Á vô hình chung làm cho Nho giáo có một tiếng thơm” [Naisbitt John 1998: 149-150].

Có một luồng ý kiến đưa giá trị của Nho giáo về khái niệm gia đình. GS. Tu Wei-ming ở Đại học Harvard nói rằng di sản quan trọng của Nho giáo không phải là các giáo huấn chính trị mà là các giá trị cá nhân quy định về thái độ đối với gia đình, công việc, giáo dục, v.v. [Naisbitt John 1998: 150-151], Francis Fukuyama – tác giả các cuốn sách nổi tiếng “*Sự kết thúc của lịch sử*” (The end of history) và “*Con người cuối cùng*” (The Last man) – khẳng định: “Sự tinh túy của Nho giáo Trung Hoa truyền thống không bao giờ là Nho giáo chính trị, mà là chủ nghĩa gia đình mạnh mẽ, đứng trên tất cả các quan hệ xã hội khác, kể cả quan hệ với các giới chức chính trị” [Naisbitt John 1998: 152]. Nguyên thủ tướng Xinggapo Lý Quang Diệu cũng nhận xét: “Sự khác biệt căn bản giữa... phương Tây và Đông Á... là các xã hội phương Đông tin rằng cá nhân chỉ có thể tồn tại khi có gia đình” [Naisbitt John 1998: 137]. Vai trò của gia đình được xem trọng đến mức Michael Backman [2005] đã xem hiện tượng gia đình trị là “những kẻ chủ mưu giấu mặt” trong sự thành công của kinh tế Đông Á! Phản

chứng cho cả Nho giáo lẫn chủ nghĩa gia đình là hiện tượng Bắc Triều Tiên: Quốc gia này đã hủy diệt Nho giáo, đồng thời cũng chính là ví dụ điển hình về truyền thống gia đình trị, mà dân chúng thì quá đói nghèo.

Các nhà quản trị thì cho rằng chìa khóa của sự thành công nằm ở cách thức quản lý kiểu Nhật được đặt tên là “thuyết Z” (Z theory) chú trọng gia tăng sự trung thành của người lao động với công ty thể hiện qua các nội dung chính là: (1) Chế độ làm việc suốt đời; (2) Trách nhiệm tập thể; (3) Đo đếm, đánh giá chi li, rõ ràng song biện pháp kiểm soát tế nhị, mềm dẻo, giữ thể diện cho người lao động; (4) Ra quyết định tập thể; (5) Đánh giá và đề bạt một cách thận trọng; (6) Quan tâm đến tất cả các vấn đề của người lao động, kể cả gia đình họ [Ouchi W. 1987]. Tên gọi “Thuyết Z” nhằm chỉ ra sự đối lập với hai thuyết phổ biến trong khoa quản trị học phương Tây là “Thuyết X” (có cái nhìn tiêu cực về người lao động) và “Thuyết Y” (có cái nhìn quá lạc quan về người lao động). Một thuyết quản trị khác giải thích sự thành công của Nhật Bản là ở sự những sự cải tiến nhỏ nhỏ tích lũy hàng ngày, gọi là “kaizen” (= cải tiến), phân biệt với quản lý kiểu phương Tây là thay đổi lớn, cách mạng [Masaaki Imai 1992; Norman Bodek & Bunji Tozawa 2006].

Thực tế, tất cả các nguyên nhân đã nhắc đến đều có phần đúng cả: (1)

nguyên nhân kinh tế với hai yếu tố đầu vào là lao động và vốn; (2) nguyên nhân khoa học, kỹ thuật, công nghệ phương Tây; (3) nguyên nhân văn hoá với vai trò của Nho giáo và gia đình; (4) nguyên nhân quản trị với “kaizen” và “thuyết Z”.

Xét một cách riêng lẻ thì từng nguyên nhân ấy là cần nhưng không đủ. Kể cả nguyên nhân văn hoá chỉ tập trung vào một hiện tượng cụ thể là Nho giáo với gia đình. Trong khi đó thì một khái niệm “loại hình văn hoá trung gian trọng thể tục” đã đủ bao quát hết tất cả: Lao động gốc nông nghiệp thì đông về số lượng, lao động Đông Á nên có tính kỷ luật cao. Văn hoá quản lý cứng rắn, quyết đoán nên hỗ trợ được cho các doanh nghiệp huy động vốn. Văn hoá trung gian với tư duy phân tích tốt, cách làm việc bài bản nên tiếp thu được khoa học, kỹ thuật, công nghệ phương Tây đến nơi đến chốn. Nho giáo, gia đình và “thuyết Z” giúp tạo nên sự ổn định và gắn kết cộng đồng. Cách quản trị kiểu “kaizen” – từ từ, liên tục và chắc chắn – là phương thức hành động điển hình của văn hoá nông nghiệp.

Cần lưu ý rằng văn hoá và loại hình văn hoá là hai khái niệm khác nhau. Nếu văn hoá là cái biểu hiện cụ thể thì loại hình văn hoá là cái khuôn mẫu, là cái gốc trừu tượng hóa, cái hàng số bất biến của một loạt nền văn hoá. Nó chi phối các nền văn hoá cụ thể theo nghĩa rộng, nghĩa là chi phối mọi lĩnh vực và

mọi hoạt động của chủ thể, trong cả không gian và thời gian. Loại hình văn hoá không đồng nhất với văn hoá, lại càng không đồng nhất với những thành tố bộ phận của văn hoá như Nho giáo... Giải thích nguyên nhân sự thần kỳ Đông Á bằng văn hoá thì đã có nhiều, còn giải thích bằng loại hình văn hoá thì đây là công trình đầu tiên.

CHÚ THÍCH:

¹ SAT = *Scholastic Aptitude Test* (Kiểm tra năng khiếu học đường), và *Scholastic Assessment Test* (Kiểm tra đánh giá học đường). *SAT Reasoning Test* là bài kiểm tra đã được chuẩn hoá dùng để xét tuyển vào đại học Mỹ do College Board (một tổ chức phi lợi nhuận tại Mỹ) điều hành. Một bài thi SAT bao gồm ba phần: đọc hiểu, viết và toán, thời gian thi kéo dài 3 tiếng 45 phút, mỗi phần thi có điểm tối đa là 800 điểm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Backman Michael 2005: *Những kẻ giấu mặt trong kinh tế châu Á. Những mắt xích gia đình trị trong kinh tế châu Á* (Lê Minh Luân biên dịch). – H.: NXB Thanh niên, 503 tr.
2. Barnes G.L. 2003: *Tìm hiểu các nước trên thế giới: Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản - đỉnh cao văn minh Đông Á* (Huỳnh Văn Thanh biên dịch). – NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 399 tr.

3. Hyung Il-Pai 2000: *Constructing "Korean" Origins. A Critical Review of Archaeology, Histrography, and Racial Myth in Korean State-Formation Theories.* – Cambridge, Massachusetts, and London: Harvard University Asia Center, 532 p.
4. Kim Byung-Mo (ed.) 1982: *Megalithic Cultures in Asia.* Monograph, N.2. – Seoul, Hanyang University Press.
5. Lê Quang Thiêm 1998: *Văn hóa Văn minh & yếu tố văn hóa truyền thống Hàn.* – H.: NXB Văn học, 387 tr.
6. Mai Ngọc Chừ 2001: *Khái quát về các ngôn ngữ phương Đông.* // Trong: Mai Ngọc Chừ (cb) 2001: *Các ngôn ngữ phương Đông (Nhật, Hàn, Hán, Melàyu, Thái Lan).* – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 17-64.
7. Masaaki Imai 1992: *Kaizen – chìa khóa về sự thành công về quản lý của Nhật Bản* (Nguyễn Khắc Thìn và Trịnh Thị Ninh biên soạn). – Tp. HCM: NXB Tp. Hồ Chí Minh, 165 tr.
8. Naisbitt John 1998: *Tám xu hướng phát triển của châu Á đang làm thay đổi thế giới.* – H.: NXB Chính trị Quốc gia, 437 tr.
9. Norman Bodek & Bunji Tozawa 2006: *Mở khóa cho ý tưởng tuôn trào: Kaizen nhanh và dễ* (The Idea Generator: Quick and Easy Kaizen). - Tp. HCM: NXB Trẻ, 355 tr.
10. Ouichi W. 1987: *Mô hình quản lý xí nghiệp Nhật Bản – sự thách thức đối với Mỹ và Tây Âu: Thuyết Z.* – H.: Viện Kinh tế Thế giới, 287 tr.
11. Sin Yeong-Hon & Kim Dae-Byeok 1997: *신영혼 - 김대벽 1997: 제작자: 신영혼, 김대벽. 우리문화. 이웃문화 (Sin Yeong-Hon & Kim Dae-Byeok: Văn hóa nước ta, văn hóa láng giềng.* – Seoul, NXB Sổ tay văn học - Munhak sucheop).
12. Song Byung-Nak 2002: *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy* (Phạm Quý Long dịch từ bản tiếng Anh "The Rise of the Korean Economy", Oxford University, 1997). - H.: NXB Thống kê, 430 tr.
13. Rohwer J. 1997: *Thời đại châu Á trỗi dậy.* – H.: NXB Thống kê, 439 tr.
14. Trần Ngọc Thêm 1995: *Cơ sở văn hóa Việt Nam.* – Trường ĐH Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 500 tr.
15. Trần Ngọc Thêm 1996-2006: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam.* – NXB Tp. HCM, 680 tr.
16. Trần Ngọc Thêm 2004: *Vai trò của tinh cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc (có so sánh với Việt Nam).* – In trong: *T/c Nghiên cứu con người*, số 6 (15), tr. 53-60.
17. Trần Ngọc Thêm 2006: *Vai trò của chủ nghĩa gia đình ở Korea: truyền thống và hội nhập.* – Trong: *Văn hóa phương Đông - truyền thống và hội nhập.* – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 335-349.
18. Vãndermeerch L. 1992: *Thế giới Hán hoá mới. Các nước chịu ảnh hưởng văn minh Trung Quốc.* – H.: NXB Khoa học xã hội.
19. Viện TTKHXH 1997: *Hiện tượng thần kỳ Đông Á: các quan điểm khác nhau.* – H.: TTKHXH- chuyên đề, 214 tr.